

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày 04 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/TLHS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Văn T**, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2002 tại tỉnh Đồng Tháp; *Nơi cư trú:* khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; *Nghề nghiệp:* Làm thuê; *Trình độ học vấn:* Không biết chữ; *Giới tính:* Nam; *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không; *Con ông:* Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974 (chết) và bà: Lê Thị Mỹ P, sinh năm: 1976; *Tiền án:* Chưa có; *Tiền sự:* Ngày 30/4/2021 bị Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong. (Bị cáo tại ngoại và có mặt).

- Người bị hại: Nguyễn Bảo T, sinh năm: 2002. (Vắng mặt)

Cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978, *Cư trú:* khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/02/2006 (15 tuổi), *cư trú:* khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

Người giám hộ cho Nguyễn Văn T là anh Nguyễn Phước C – Phó Bí thư Đoàn thanh niên phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. Lê Hoài P, sinh ngày 01/7/2009 (12 tuổi). (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của Lê Hoài P là chị Lê Thị Bích T, sinh năm: 1990 (mẹ ruột của P), cùng cư trú: khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3. Lê Văn T, sinh năm: 2007 (14 tuổi). (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Lê Văn T là chị Lê Thị T, sinh năm: 1989 (mẹ ruột của T), cùng cư trú: khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

4. Lê Văn Tý E, sinh năm: 1980. (vắng mặt)

Cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Công H, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

Cùng cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 15/3/2021, anh Nguyễn Bảo T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát: 66G1-368.03, nhãn hiệu: HONDA, số loại: Wave, màu sơn: Trắng – Đen - Bạc đến nhà anh Nguyễn Công H thuộc khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp chơi – khi đến nơi anh T cho xe vào bên trong hàng rào và dựng xe lại, chìa khóa vẫn để gim ở ổ khóa xe, cửa hàng rào vẫn mở, rồi đi vào bên trong nhà anh H, lúc này nghe có tiếng bước chân bên ngoài sân, nên anh T quay lại xem thì nhìn thấy có người lấy trộm xe của mình dẫn ra khỏi hàng rào và nổ máy chạy về hướng thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, nên trình báo Công an.

Đến sáng ngày 16/3/2021 Lực lượng Công an phường A, thành phố H phát hiện chiếc xe mô tô của anh T bị mất trộm được gửi giữ tại bãi xe Siêu Thị Coop Mart thành phố H, nên tiến hành thu giữ và mời Nguyễn Văn T, Lê Hoài P, Nguyễn Văn T làm việc. Tại Cơ quan điều tra khai nhận: Nguyễn Văn T cùng với Lê Hoài P, Nguyễn Văn T bàn bạc đi tìm tài sản người khác lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý và đã thực hiện việc trộm xe mô tô của anh T như nêu trên. Quá trình thực hiện hành vi: khi đến nơi T, P ngồi trên xe ngoài lộ cảnh giới, T đi vào trong sân nhà lấy trộm xe dẫn ra ngoài cho máy nổ điều khiển chạy thẳng về bãi đất trống ở bờ Bắc khu đô thị thành phố H, thuộc phường A cất giấu, đến sáng ngày 16/3/2021 T lấy xe điều khiển chạy đến Siêu Thị Coop Mart gửi giữ như đã nêu.

Vật chứng thu giữ được: 01 xe mô tô biển số kiểm soát: 66G1-368.03, nhãn hiệu: HONDA, số loại: Wave, màu sơn: Trắng - Đen - Bạc, số máy: JA39E0257649, số khung: 3901HY257610 (đã qua sử dụng), do ông Nguyễn Văn T (cha của anh T) đứng tên chủ sở hữu.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG-TTHS ngày 22/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Chiếc xe mô tô của anh T mất trộm trị giá: 7.500.000 đồng.

Qua quá trình điều tra xác định đây là tội phạm có tính chất đồng phạm, tuy nhiên xét thấy đối với Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/02/2006 và Lê Hoài P, sinh ngày 01/7/2009 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về lần trộm này, nên các cơ quan tiến hành tố tụng không đề cập đến và đã giao về cho chính quyền địa phương xử lý theo quy định.

Ngoài ra trong quá trình điều tra Nguyễn Văn T, Lê Hoài P, Nguyễn Văn T còn khai nhận cùng với Lê Văn T trước đó đã thực hiện 02 lần trộm được 02 xe mô tô (một ở huyện T, một ở thành phố H), nhưng giá trị tài sản trộm chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn T như nêu trên và thu hồi chiếc xe mô tô trộm để trả lại cho người mất trộm (xe này bị cáo T dùng để điều khiển chở P, T đi trộm xe của anh T tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp) và Viện kiểm sát nhân dân huyện nhận định không liên quan đến vụ án.

Theo Bản cáo trạng số: 50/CT-VKSHN, ngày 18/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố đối với Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: không phát sinh nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T: Đã ăn năn, hối cải về hành vi trộm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hình sự, theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và vụ án xảy ra tại địa phận huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì Tòa án có triệu tập những người tham gia tố tụng, nhưng tại phiên tòa thì người bị hại, người liên quan và một số người làm chứng vắng mặt không lý do (mặt dù đã được triệu tập hợp lệ). Xét thấy qua ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng có mặt, thì việc vắng mặt những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, vả lại họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình, không bị ép buộc; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án:

Nguyễn Văn T, Lê Hoài P, Nguyễn Văn T là bạn bè, đều không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên đi trộm tài sản của người khác để bán có tiền tiêu xài, cụ thể đã trộm trót lọt 02 xe mô tô tại huyện T và thành phố H, từ đó thấy việc trộm cắp quá dễ dàng và đã quen tay, nên vào khoảng 20 giờ ngày 15/3/2021 cả nhóm T, P, T bàn bạc thống nhất tiếp tục đi trộm tài sản người khác, khi đi đến địa phận khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp - lúc này khoảng 22 giờ cùng ngày thì cả nhóm thấy tại nhà anh H có xe anh T dựng trước sân nhà, bên trong hàng rào không đóng cửa, không ai trông coi, nên cả nhóm dừng xe lại T, P ngồi ngoài cảnh giới, T trực tiếp lén lúc vào trộm xe của anh T trị giá 7.500.000 đồng dẫn ra đường và điều khiển chạy về thành phố H cất giấu như đã nêu ở phần nội dung vụ án. Tại phiên tòa cũng như qua quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ diễn biến của việc cùng thực hiện hành vi trộm cắp của mình, phù hợp với lời khai của T, P và người bị hại, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, cũng như diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”

Dưới chế độ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của ta, thì tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản hợp pháp của công dân, của Nhà nước đều được pháp luật bảo vệ, nên mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến đều bị pháp luật trừng trị. Vậy mà bị cáo Nguyễn Văn T là người thành niên, đầy đủ năng lực hành vi, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng lại không có ý thức giác ngộ, ăn năn, sửa chữa lỗi lầm, mà chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân trên công sức lao động của người khác, để rồi tiếp tục bất chấp nguy hiểm, bất chấp pháp luật, liều lĩnh lợi dụng khi không có ai trông coi tài sản rồi cùng với nhóm T, P lén lúc lấy trộm hoàn thành một chiếc xe mô tô của anh T trị giá 7.500.000 đồng, hành vi này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, nên sẽ bị pháp

luật trừng trị. Việc bị cáo Nguyễn Văn T cố ý tiếp tục cùng thực hiện hành vi trộm cắp là đã thể hiện một bản chất lười biếng lao động, xem thường pháp luật, chấp nhận đánh đổi phẩm giá của mình bằng con đường tội phạm. Đáng lý ra bị cáo Nguyễn Văn T phải có suy nghĩ rằng mình tuổi đời còn trẻ, đang sống phụ thuộc gia đình, thì phải từ bỏ thói hư tật xấu, tìm cho mình một việc làm ổn định, có thu nhập chân chính để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, có như thế mới thể hiện tính nêu gương tốt trong việc chấp hành pháp luật và sự tôn trọng tài sản của người khác, đáng này bị cáo Nguyễn Văn T không làm được điều đó mà lại cùng với T, P là những người chưa thành niên tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, và hôm nay phải đứng trước phiên tòa chờ phán xét của pháp luật. Từ đó, xét thấy với ý thức, mức độ, hậu quả qua hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, làm hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc bằng cách cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tốt hơn trong việc chấp hành pháp luật, giác ngộ sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu trở thành công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức, bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác như bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trình độ học vấn không biết chữ, việc am hiểu pháp luật còn hạn chế và thuộc thành phần lao động chân tay và là lao động chính đang nuôi mẹ đã lớn tuổi. Nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Văn T một phần hình phạt. Đó là tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[3]. *Về vật chứng và trách nhiệm dân sự*: Là 01 chiếc xe mô tô của anh T đang quản lý bị bị cáo cùng nhóm trộm (như đã nêu trên) là của ông Nguyễn Văn T (cha của anh T) đứng tên chủ sở hữu, trong quá trình điều tra đã thu lại được và giao trả lại cho ông T quản lý sử dụng. Trong vụ án ông T, anh T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử, xét thấy là phù hợp nên không xem xét lại.

[4]. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí, để buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[5]. Qua vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T, cùng với Nguyễn Văn T, Lê Hoài P nên xem đây là một bài học đáng giá cho bản thân và từ bỏ ý thức xấu xa đó, đồng thời cũng cần nhắc nhở đến mọi công dân nên có ý thức nhiều hơn nữa trong việc quản lý tài sản của mình, không có một khoảng thời gian nào sơ hở để cho những kẻ có ý thức xấu xa thực hiện được hành vi phạm tội, có như thế mới góp phần chung vào phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự;
2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.
 - Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
 - Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T: 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành án phạt tù.
3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (04/10/2021). Đối người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.
5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan điều tra huyện H;;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách